ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Tiểu học (A)
Khóa: 2025
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12 /2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
2	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
3	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
6	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
7	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
8	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
9	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
10	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
11	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
12	31623549	General law	2	22	8		
		Học phần tự chọn	***10***	***135***	***15***		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**15**	**132**	**93**		
16	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	25	5		
17	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	15	15		
18	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
19	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
20	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
		Học phần tự chọn	***3***	***15***	***30***		
21	32238024	*Giáo dục STEM ở tiểu học*	3	15	30		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**47**	**357**	**348**		
22	32221920	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	15	15	32231028	
23	32241967	Văn học thiếu nhi	4	45	15		
24	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	30	15		
25	32231029	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	30	15	32231028	
26	32231032	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	3	30	15	32233422	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
27	32238019	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	20	25	32241967	
28	32238658	Mathematical Foundations for Teaching Primary Mathematics - Part 2	3	30	15	32233249	
29	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	3	30	15		
30	32223509	Digital Pedagogy in Primary Education	2	15	15		
31	32223953	Probability and Statistics in Primary Education	2	15	15		
32	32233422	Fundamentals of Natural Science for Primary education	3	30	15		
33	32223469	Environmental education for primary students	2	15	15		
		Học phần tự chọn	***14***	***52***	***158***		
34	32261045	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	90		
35	32228022	*Phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực ở tiểu học*	2	15	15		
36	32238023	*Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm*	3	17	28	32231028	
37	32238031	*Dạy học viết sáng tạo ở tiểu học*	3	20	25		
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**62**	**335**	**685**		
38	32238026	Phương pháp dạy học toán tiểu học 1	3	30	15	32238658	
39	32223545	Life skills education in teaching at primary schools	2	15	15	32238027; 32248048; 32233965; 32238018.	
40	32033930	Organization of Educational and Experiential Activities	3	25	20		
41	32223675	Testing and assessment of learning outcomes in Primary education	2	15	15	32238026; 32248047; 32233965; 32238018.	
42	32233965	Pedagogical methods for teaching Natural and Social Sciences in primary schools	3	30	15	32231032; 32031719; 32031255.	
43	32023273	Pedagogical Communication	2	15	15		
44	32248048	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2	4	20	40	32248047*	
45	32248047	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1	4	30	30	32231029	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
46	32238027	Phương pháp dạy học toán tiểu học 2	3	15	30	32238026	
47	32228025	Tổ chức dạy học trải nghiệm các môn học ở tiểu học	2	15	15	32248048; 32233965; 32238027.	
48	32228021	Thực hành giải toán tiểu học	2	0	30	32238026*; 32238027.	
49	32228020	Phát triển chương trình nhà trường tiểu học	2	15	15		
50	32238018	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	3	20	25	32031719; 32031255	
51	32231038	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Giáo dục tiểu học 2	3	0	45	32231036	
52	32231036	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Giáo dục tiểu học 1	3	0	45		
53	32241044	Thực tập sư phạm	4	0	120	32221043	
54	32221043	Kiến tập sư phạm	2	0	60	32238027; 32248048; 32233965; 32238018.	
55	32021254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	15	15	32031719; 32031255; 32233965; 32238027; 32248048; 32238018.	
		Học phần tự chọn	***13***	***75***	***120***		
56	32221700	*Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học*	2	15	15	32233422	
57	32238030	*Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học*	3	20	25	32231029	
58	32233303	*Teaching Primary Mathematics in English*	3	15	30	32238026	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
59	32233154	*Science education for primary students in English*	3	15	30	32233965	
60	32224028	*Dạy học tích hợp ở tiểu học*	2	10	20		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**150**	**1128**	**1212**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**851**	**889**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

TRƯỞNG NGÀNH | **TRƯỞNG KHOA** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG – BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Tiểu học (A)
Khóa: 2025
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12 /2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	25	5		
	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	3	30	15		
	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	30	15		
	32241967	Văn học thiếu nhi	4	45	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**162**	**63**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
	32238658	Mathematical Foundations for Teaching Primary Mathematics - Part 2	3	30	15	32233249	
	32231029	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	30	15	32231028	
		Học phần tự chọn					
	32238023	*Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm*	3	17	28	32231028	
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**167**	**103**		
3	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	32223509	Digital Pedagogy in Primary Education	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**7**	**67**	**38**		
4	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31623549	General law	2	22	8		
	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	15	15		
	32223953	Probability and Statistics in Primary Education	2	15	15		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
4	32233422	Fundamentals of Natural Science for Primary education	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	32228022	*Phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực ở tiểu học*	2	15	15		
	32238031	*Dạy học viết sáng tạo ở tiểu học*	3	20	25		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**139**	**101**		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
	32221920	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	15	15	32231028	
	32231032	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	3	30	15	32233422	
	32238019	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	20	25	32241967	
		Học phần tự chọn					
	32238030	*Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học*	3	20	25	32231029	
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**166**	**104**		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32023273	Pedagogical Communication	2	15	15		
	32223469	Environmental education for primary students	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**112**	**38**		
7	32233965	Pedagogical methods for teaching Natural and Social Sciences in primary schools	3	30	15	32231032; 32031719; 32031255.	
	32238018	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	3	20	25	32031719; 32031255	
	32238026	Phương pháp dạy học toán tiểu học 1	3	30	15	32238658	
	32248047	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1	4	30	30	32231029	
		Học phần tự chọn					
	32224028	*Dạy học tích hợp ở tiểu học*	2	10	20		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**120**	**105**		
8	32223675	Testing and assessment of learning outcomes in Primary education	2	15	15	32238026; 32248047; 32233965; 32238018.	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
8	32231036	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Giáo dục tiểu học 1	3	0	45		
	32238027	Phương pháp dạy học toán tiểu học 2	3	15	30	32238026	
	32248048	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2	4	20	40	32248047*	
		Học phần tự chọn					
	32233154	*Science education for primary students in English*	3	15	30	32233965	
	32233303	*Teaching Primary Mathematics in English*	3	15	30	32238026	
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**80**	**190**		
9	32033930	Organization of Educational and Experiential Activities	3	25	20		
	32223545	Life skills education in teaching at primary schools	2	15	15	32238027; 32248048; 32233965; 32238018.	
	32228020	Phát triển chương trình nhà trường tiểu học	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	32238024	*Giáo dục STEM ở tiểu học*	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**70**	**80**		
10	32021254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	15	15	32031719; 32031255; 32233965; 32238027; 32248048; 32238018.	
	32221043	Kiến tập sư phạm	2	0	60	32238027; 32248048; 32233965; 32238018.	
	32228021	Thực hành giải toán tiểu học	2	0	30	32238026*; 32238027.	
	32228025	Tổ chức dạy học trải nghiệm các môn học ở tiểu học	2	15	15	32248048; 32233965; 32238027.	
	32231038	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Giáo dục tiểu học 2	3	0	45	32231036	
		Học phần tự chọn					
	32221700	*Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học*	2	15	15	32233422	
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**45**	**180**		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
11	32241044	Thực tập sư phạm	4	0	120	32221043	
		Học phần tự chọn					
	32261045	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	90		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**210**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Ng° T. Thuý Nga	Võ Thị Lay	TS. Phan Đức Tuấn